

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN PHƯƠNG CƯỜNG

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRONG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN – THƯ VIỆN
TẠI VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ

Chuyên ngành: Khoa học Thư viện
Mã số: 60 32 20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ THÔNG TIN - THƯ VIỆN

Hà Nội - 2011

*Công trình được hoàn thành tại: Viện Khoa học
và Công nghệ Quân sự*

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Chu Ngọc Lâm**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

L luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận thạc sĩ
họp tại: Khoa Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã
hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

.....giờ.....ngày.....tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
- Trung tâm Thư viện - Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Hà Nội

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
NỘI DUNG.....	5
Chương 1. VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VỚI VẤN ĐỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN.....	5
1.1 Khái quát về Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	5
1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	5
1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ	5
1.1.3 Tổ chức biên chế của Viện	5
1.1.4 Các chuyên ngành nghiên cứu của Viện	6
1.1.5 Thế mạnh và thành tựu hoạt động của Viện.....	6
1.2 Phòng Thông tin – Thư viện của Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	6
1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ	6
1.2.2 Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ	7
1.2.3 Vốn tài liệu và cơ sở vật chất kỹ thuật	7
1.3 Đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin ở Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự.....	7
1.3.1 Đặc điểm người dùng tin.....	7
1.3.2 Đặc điểm nhu cầu tin	8
1.4 Vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện của Viện.....	8
Chương 2. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI PHÒNG THÔNG TIN – THƯ VIỆN CỦA VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ.....	9
2.1 Ứng dụng phần mềm ILIB.....	9
2.1.1 Giới thiệu về phần mềm ILIB	9
2.1.2 Ứng dụng ILIB vào công tác bổ sung tài liệu.....	9
2.1.3 Ứng dụng ILIB vào công tác xử lý tài liệu	10
2.1.4 Ứng dụng ILIB vào công tác quản lý kho tài liệu.....	11
2.1.5 Ứng dụng ILIB vào công tác lưu thông tài liệu	12

2.2 Ứng dụng phần mềm DLIB	13
2.2.1 Giới thiệu phần mềm DLIB	13
2.2.2 Ứng dụng DLIB vào quản lý tài liệu số hoá.....	13
2.3 Ứng dụng phần mềm cổng thông tin tích hợp PORTAL.....	14
2.3.1 Giới thiệu phần mềm cổng thông tin tích hợp PORTAL .	14
2.3.2 Ứng dụng phần mềm cổng thông tin tích hợp PORTAL vào phục vụ tra cứu dữ liệu	14
2.4 Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện của Viện	14
2.5 Nhận xét, đánh giá chung.....	15
2.5.1 Điểm mạnh	15
2.5.2 Điểm yếu	15
Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN TẠI VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ.....	17
3.1 Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên môn	17
3.2 Nâng cao trình độ người dùng tin.....	17
3.3 Tăng cường xây dựng và chia sẻ nguồn lực thông tin	17
3.4 Hoàn thiện sản phẩm và dịch vụ thông tin	18
3.5 Hoàn thiện các phần mềm ứng dụng.....	18
3.6 Chuẩn hoá các quy tắc nghiệp vụ thư viện	18
3.7 Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật.....	18
KẾT LUẬN	19
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

LỜI NÓI ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Viện KH&CNQS có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu KHKT, công nghệ, ứng dụng KHKT công nghệ tiên tiến phục vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và an ninh của đất nước.

Nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng, đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu, mặt tồn tại, đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong hoạt động TT-TV tại Viện KH&CNQS là vấn đề cần thiết.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Ở trong nước đã có một số công trình nghiên cứu mang tính ứng dụng, điều tra nghiên cứu, khảo sát tại một số cơ quan thông tin – thư viện cụ thể. Những công trình nghiên cứu đó không đề cập đến vấn đề **“Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện tại Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự”**.

3. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Mục đích nghiên cứu: khảo sát thực trạng ứng dụng CNTT tại Viện, đưa ra những nhận xét đánh giá và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động TT-TV tại Viện KH&CNQS.

Nhiệm vụ nghiên cứu: *đề tài tập trung nghiên cứu những nội dung sau:*

- Tìm hiểu khái quát về Viện KH&CNQS và phòng TT-TV của Viện với vấn đề ứng dụng CNTT.
- Nghiên cứu đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin trong hoạt động TT-TV của Viện KH&CNQS

- Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT tại phòng TT-TV của Viện.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT tại phòng TT-TV của Viện KH&CNQS.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- *Đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu thực trạng ứng dụng CNTT tại phòng TT-TV của Viện KH&CNQS Bộ Quốc Phòng.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Tập trung nghiên cứu, khảo sát và phân tích thực trạng ứng dụng CNTT vào hoạt động TT-TV tại Viện KH&CNQS từ năm 2009 đến nay.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu.

- Phương pháp phỏng vấn, điều tra bằng phiếu hỏi.

- Phương pháp khảo sát thực nghiệm, thống kê, so sánh, điều tra.

6. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục các tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự với vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Thông tin – Thư viện

Chương 2: Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin tại phòng Thông tin – Thư viện của Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự

Chương 3 : Các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện tại Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự

NỘI DUNG

Chương 1

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VỚI VẤN ĐỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN

1.1 Khái quát về Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự

1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Viện Khoa học và Công nghệ quân sự được thành lập theo Quyết định số 470/BQP do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký ngày 12 tháng 10 năm 1960.

Tháng 10/2008 đổi tên thành Viện Khoa học và Công nghệ quân sự (QĐ 3316/QĐ-BQP – 10/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ

Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, phục vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.1.3 Tổ chức biên chế của Viện

Theo Quyết định số 810/QĐ-TM, do Thượng tướng Nguyễn Khắc Nghiên, Tổng Tham mưu trưởng ký ngày 21/05/2010 về tổ chức biên chế của Viện Khoa học và Công nghệ quân sự gồm:

- ❖ Ban Giám đốc
- ❖ Khối cơ quan có 11 đầu mối :
- ❖ Khối nghiên cứu có 13 đầu mối
- ❖ Khối kinh tế có 4 công ty

1.1.4 Các chuyên ngành nghiên cứu của Viện

Các cán bộ khoa học của Viện hoạt động ở các ngành chuyên môn thuộc các lĩnh vực: Tên lửa, Radar, Điện tử, Công nghệ thông tin, Vật lý kỹ thuật, Tự động điều khiển, Sinh học, Hoá học vật liệu, An toàn thông tin, Kỹ thuật siêu cao tần và Quang điện tử, Kỹ thuật và thử nghiệm tên lửa, Vật liệu quân sự, Tự động hoá kỹ thuật quân sự, Phần mềm điều khiển và Bảo mật thông tin, Bảo vệ môi trường, Mô hình hoá mô phỏng, Cơ khí chính xác.

1.1.5 Thế mạnh và thành tựu hoạt động của Viện

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các hệ thống vũ khí, khí tài, phục vụ việc phòng chống, đánh trả vũ khí và phương tiện chiến tranh công nghệ cao.

Cải tiến vũ khí thiết bị kỹ thuật theo hướng thông minh hoá, hiện đại hoá, module hoá, phù hợp với điều kiện, cách đánh và sự phát triển của quân đội ta.

Chủ trì về mặt KHCN trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo tên lửa.

Đào tạo cán bộ có trình độ sau đại học thuộc các ngành kỹ thuật và công nghệ cao. Kết hợp giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo.

1.2 Phòng Thông tin – Thư viện của Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự

1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng chính của phòng Thông tin – Thư viện là thực hiện công tác thông tin tư liệu phục vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Nhiệm vụ:

- Triển khai các mặt hoạt động thông tin, tư liệu, thư viện.

- Thu thập, bổ sung đầy đủ đúng yêu cầu và có chất lượng cao các loại sách, báo, tạp chí, các tư liệu lưu hành nội bộ.

- Thu thập, xử lý, khai thác các loại hình thông tin dưới các hình thức tóm tắt, lược thuật, tổng thuật, dịch, trích dịch.

- Xây dựng hệ thống thư mục, mục lục tra cứu, phân loại các ấn phẩm đảm bảo khoa học, chính xác

1.2.2 Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của phòng có 13 cán bộ, 01 trưởng phòng (phụ trách chung), 01 phó phòng, ban thông tin gồm 03 cán bộ, ban thư viện gồm 06 cán bộ, quản trị công nghệ thông tin gồm 02 cán bộ. Trong số đó có 01 cán bộ có trình độ tiến sĩ, 01 có trình độ thạc sĩ, 11 cán bộ có trình độ đại học, các cán bộ của phòng đều có trình độ khá về tin học và ngoại ngữ.

1.2.3 Vốn tài liệu và cơ sở vật chất kỹ thuật

Vốn tài liệu: bao gồm sách tiếng Nga 36500 bản, sách tiếng Anh 3200 bản, sách tiếng Việt 1900 bản. Tạp chí có 65 tên tạp chí, Tổng số luận văn 124 quyển, tổng số luận án 90 quyển, tổng số công trình nghiên cứu khoa học tại viện 576, tổng số đĩa CD-ROM 202 đĩa tài liệu.

Cơ sở vật chất kỹ thuật: Phòng Thông tin – Thư viện của Viện được xây dựng với tổng diện tích gần 400m² bao gồm 01 phòng đọc, 01 phòng mượn, 01 phòng xử lý nghiệp vụ (bổ sung + biên mục), 01 văn phòng và 01 phòng riêng cho máy chủ của thư viện.

1.3 Đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin ở Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự

1.3.1 Đặc điểm người dùng tin

Để nghiên cứu NDT và NCT, tác giả đã tiến hành điều tra xã hội học với số phiếu phát ra là 150 phiếu và thu về 144 phiếu hợp lệ.

Qua khảo sát thực tế có thể chia nhóm đối tượng NDT tại Viện gồm 3 nhóm chính sau:

- Nhóm 1: NDT là cán bộ quản lý
- Nhóm 2: NDT là cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy
- Nhóm 3: NDT là học viên, công nhân viên và các đối tượng khác

1.3.2 Đặc điểm nhu cầu tin

Loại tài liệu mà NDT hay sử dụng tại Viện là Sách 32%, Báo - tạp chí 24%, Luận văn - luận án 16%, Công trình nghiên cứu khoa học 12%, Tài liệu điện tử 14%, Bản đồ 2%

Qua thực tế khảo sát tác giả thấy NDT ở Viện thường quan tâm nhất là công nghệ thông tin 30%, quân sự 26%, hoá học 17%, vật lý 9%, toán học 9%, kinh tế 5%, văn học 4%.

1.4 Vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện của Viện

- Người làm công tác thông tin gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu thập, tìm kiếm và bảo quản nguồn tin.
- Công nghệ thông tin đã góp phần làm thay đổi diện mạo và phương thức phục vụ của thư viện.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào thư viện đã giúp cho việc khai thác nguồn tư liệu nhanh chóng và tiện lợi hơn rất nhiều so với trước đây.
- Khái niệm liên quan: **Thư viện điện tử / Thư viện số / Thư viện ảo.**

Chương 2

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI PHÒNG THÔNG TIN – THƯ VIỆN CỦA VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ

2.1 Ứng dụng phần mềm ILIB

2.1.1 Giới thiệu về phần mềm ILIB

ILIB (Integrate Library Solutions) là giải pháp thư viện điện tử tích hợp cho các thư viện tại Việt Nam do Công ty CMC nghiên cứu và phát triển.

Phần mềm ILIB có những tính năng nổi bật sau:

- Hỗ trợ khổ mẫu biên mục đọc máy MARC21
- Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy tắc mô tả thư mục ISBD, AACR2
- Tích hợp mã vạch với các phân hệ, tích hợp cổng từ, tích hợp với công nghệ 3M
- Hỗ trợ tiếng Việt và các ngôn ngữ khác như: tiếng Anh, tiếng Pháp, Tiếng Nga, tiếng Trung,...
- Thống kê, báo cáo đa dạng và tùy biến trong từng phân hệ

2.1.2 Ứng dụng ILIB vào công tác bổ sung tài liệu

Thực tế ứng dụng Module bổ sung tại phòng TT-TV của Viện

Hiện tại thư viện tiến hành tạo ra các đơn nhận và theo dõi quá trình nhận tài liệu, thư viện tạo ra được 9 mã đơn nhận cho các dạng tài liệu khác nhau.

❖ Nhật xét

Ưu điểm:

- Tránh được việc bổ sung trùng lặp tài liệu.

- Giảm được rất nhiều công sức cho CBTV trong việc quản lý sổ ĐKCB tài liệu.

- In ấn được các báo cáo phân bổ kho, danh mục sách bổ sung, sổ ĐKTQ, các nhãn môn loại, nhãn ĐKCB một cách nhanh chóng.

Nhược điểm:

- Không tự chỉnh sửa được báo cáo đầu ra
- Có nhiều tính năng khác thư viện chưa tận dụng và phát huy hết khả năng của nó.

2.1.3 Ứng dụng ILIB vào công tác xử lý tài liệu

❖ Chức năng của module Biên tập

- Biên mục được các loại tài liệu theo MARC21
- Hỗ trợ công tác biên mục theo tiêu chuẩn và quy tắc mô tả thư mục khác như : ISBD, AACR2
- Trao đổi và xuất nhập dữ liệu dựa trên khổ mẫu MARC21, UNIMARC và tiêu chuẩn ISO2709.

❖ Thực trạng ứng dụng module biên mục tại phòng TT-TV của Viện

Biên mục tài liệu mới bổ sung về thư viện

Biên mục tài liệu cũ đã chuyển đổi sang phần mềm ILIB:

- Phòng TT-TV của Viện đã xây dựng được 1 CSDL luận văn, luận án gồm 159 biểu ghi đã biên mục.

- Chuyển đổi được 21371 biểu ghi CSDL sách sang phần mềm ILIB.

- CSDL đĩa CD-ROM chưa được nhập để quản lý trong phần mềm.

- CSDL tạp chí: xây dựng được 183 đầu tên báo và tạp chí bao gồm các tạp chí về KHCN, tạp chí quân sự nước ngoài,...

- Phòng TT-TV đã xây dựng được 1 CSDL về các đề tài BCKH tổng số là 580 biểu ghi.

- CSDL Ebooks: 1469 biểu ghi được chuyển đổi sang phần mềm ILIB.

Nhận xét

Ưu điểm:

- Giảm được công sức làm thủ công cho các sản phẩm báo cáo trước đây.
- Cán bộ biên mục nâng cao được trình độ tin học và ngoại ngữ.

Nhược điểm:

- Hạn chế về trình độ nghiệp vụ thư viện, nên việc biên mục và hiệu đính dữ liệu cũ còn hạn chế.
- Số dữ liệu sách tiếng Nga trước đây chuyển đổi sang phần mềm ILIB để hiệu đính lại còn rất chậm.

2.1.4 Ứng dụng ILIB vào công tác quản lý kho tài liệu

❖ Chức năng của module quản lý kho

Module Kho bao gồm các tính năng sau:

- Cấp lưu trữ
- Hệ thống lưu trữ
- Xếp giá tài liệu
- Thống kê sách
- Hồi cổ kho tài liệu
- Đánh lại số ĐKCB
- Xử lý tài liệu mất
- Thanh lý tài liệu
- Kiểm kê tài liệu
- In các báo cáo trong kho

❖ **Thực trạng ứng dụng module quản lý kho tài liệu tại phòng TT-TV của Viện**

Hệ thống lưu trữ (kho sách) hiện nay tại thư viện của Viện bao gồm 5 kho: Kho đọc, Kho mượn, Kho luận văn – luận án, Kho báo tạp chí, Kho đề tài nghiên cứu. Các cấp kho này đều đã được ứng dụng vào quản lý tài liệu.

❖ **Nhận xét**

Ưu điểm:

- Các tính năng này được triển khai và sử dụng rất tốt.
- Thống kê số lượng tài liệu cán bộ quản lý kho nhanh chóng.

Nhược điểm:

- Chưa được sử dụng hết các tính năng do việc làm hồi có sách cũ vẫn chưa hoàn thành xong các kho.
- Nhiều khi cán bộ quản lý kho thao tác vào phần mềm vẫn hay bị quên thao tác sử dụng.

2.1.5 Ứng dụng ILIB vào công tác lưu thông tài liệu

❖ **Chức năng của module lưu thông**

- Quản lý bạn đọc
- Quản lý tham số lưu thông
- Quản lý yêu cầu mượn/trả
- Quản lý gia hạn – hàng đợi
- Báo cáo thống kê mượn/trả

❖ **Thực trạng ứng dụng các tính năng của module lưu thông tại phòng TT-TV của Viện**

Thư viện đã ứng dụng các chức năng sau của module lưu thông :

Tính năng quản lý bạn đọc

Tính năng lưu thông mượn/trả tài liệu

Tính năng báo cáo thống kê mượn/trả tài liệu

❖ **Nhận xét**

Ưu điểm:

- Ứng dụng tốt chức năng quản lý bạn đọc và lưu thông mượn/trả tài liệu.
- Bạn đọc được cấp thẻ nhanh chóng, thẻ bạn đọc được cấp là thẻ nhựa, mẫu thẻ đẹp và có tích hợp mã vạch.
- Thông tin mượn/trả được ghi nhận vào phần mềm ILIB và được lưu tập trung trên máy chủ.

Nhược điểm: một số chức năng của module lưu thông chưa được cán bộ thủ thư sử dụng.

2.2 Ứng dụng phần mềm DLIB

2.2.1 Giới thiệu phần mềm DLIB

- ❖ Chức năng Worksheets
- ❖ Chức năng Biên mục
- ❖ Chức năng quản lý nhóm
- ❖ Chức năng quản lý truy cập
- ❖ Chức năng cấu hình hệ thống
- ❖ Chức năng quản trị hệ thống

2.2.2 Ứng dụng DLIB vào quản lý tài liệu số hoá

- ❖ Chức năng Worksheets
- ❖ Ứng dụng chức năng Biên mục vào biên tập tài liệu số
- ❖ Ứng dụng chức năng quản lý nhóm
- ❖ Ứng dụng chức năng quản lý truy cập
- ❖ **Nhận xét**

Ưu điểm: Các bài tập chỉ quân sự được đặt mua ở nước ngoài được biên tập chi tiết theo chuẩn DC.

Nhược điểm: một số tính năng của phần mềm chưa được cán bộ biên tập sử dụng phát huy hết khả năng của nó.

2.3 Ứng dụng phần mềm cổng thông tin tích hợp PORTAL

2.3.1 Giới thiệu phần mềm cổng thông tin tích hợp PORTAL

Điểm mạnh trên cổng thông tin điện tử PORTAL chính là việc tích hợp các hệ thống ILIB, DLI, CMS trên cổng PORTAL.

2.3.2 Ứng dụng phần mềm cổng thông tin tích hợp PORTAL vào phục vụ tra cứu dữ liệu

Chức năng tra cứu tài liệu

Chức năng tra cứu tài liệu số

❖ Nhận xét

Ưu điểm: việc tra cứu tài liệu của bạn đọc rất nhanh chóng, chính xác và kịp thời, đáp ứng được nhu cầu tin của bạn đọc.

Nhược điểm: việc tra tìm tài liệu của bạn đọc chưa được đào tạo cụ thể.

2.4 Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin – thư viện của Viện

Ứng dụng phần mềm ILIB:

- Công tác bổ sung tài liệu
- Công tác xử lý biên tập tài liệu
- Công tác quản lý kho tài liệu
- Công tác quản lý bạn đọc và lưu thông tài liệu.

Ứng dụng phần mềm DLIB: thư viện đã xây dựng được một CSDL gồm 10620 biểu ghi tài liệu toàn văn trong gần 2 năm ứng dụng phần mềm từ cuối năm 2009 đến tháng 05 năm 2011.

Tổng số bạn đọc được phân quyền truy cập là 326 bạn đọc.

Ứng dụng phần mềm cổng thông tin tích hợp PORTAL vào phục vụ tra cứu tài liệu: với phần mềm cổng thông tin tích hợp

PORTAL được ứng dụng vào thực tiễn đã phục vụ cho rất nhiều lượt bạn đọc truy cập vào tra tìm tài liệu.

2.5 Nhận xét, đánh giá chung

2.5.1 Điểm mạnh

- Lãnh đạo đơn vị có quyết tâm cao, có kế hoạch triển khai cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng.
- Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- Giải phóng được sức lao động thủ công của cán bộ thư viện.
- Làm thay đổi quy trình nghiệp vụ tạo ra các sản phẩm thông tin có chất lượng cao.

Các điểm mạnh trên có được là do các yếu tố sau:

- Có sự quan tâm của lãnh đạo Viện và lãnh đạo Bộ Quốc Phòng.
- Cán bộ TT-TV của Viện tích cực, chủ động, sáng tạo và quyết tâm cao trong tổ chức hoạt động TT-TV.
- Đã xây dựng và thực hiện được dự án tổng thể về ứng dụng CNTT vào hoạt động TT-TV tại Viện.
- Lựa chọn được phần mềm ứng dụng mới, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đơn vị.

2.5.2 Điểm yếu

- Việc quản trị phân quyền hệ thống cho 3 phần mềm ILIB, DLIB, PORTAL chưa được đưa vào sử dụng.
- Việc phổ biến trang tin điện tử tích hợp PORTAL cho bạn đọc tra cứu tài liệu chưa được rộng rãi tới các phòng ban trong Viện.
- Cán bộ quản trị cổng thông tin tích hợp tra cứu tài liệu PORTAL hay bị thay đổi nhân sự.

- Không thường xuyên kiểm tra việc backup dữ liệu trên máy chủ.

Nguyên nhân của những điểm yếu trên là do:

- Nguồn lực, trình độ cán bộ TT-TV về CNTT còn hạn chế.
- Việc đào tạo hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cho cán bộ TT-TV và NDT chưa đầy đủ, chưa kịp thời.
- Phần mềm ứng dụng chưa được hoàn hảo.
- Kinh phí đầu tư vào công nghệ còn hạn hẹp.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN TẠI VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ

3.1 Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên môn

Đối với cán bộ quản lý: muốn nâng cao hiệu quả hoạt động TT-TV, trước hết vấn đề cần quan tâm ở đây là đội ngũ cán bộ quản lý hoạt động thông tin - thư viện.

Đối với cán bộ nghiệp vụ: phải được đào tạo chính quy trong các chương trình TT-TV, sử dụng máy tính thành thạo, hiểu biết về nghiệp vụ TT-TV.

Đối với cán bộ quản trị mạng: phải có khả năng và kinh nghiệm trong quản lý và duy trì hệ thống, theo dõi và điều hành hoạt động của hệ thống mạng máy tính và hệ thống thông tin trong thư viện.

3.2 Nâng cao trình độ người dùng tin

- Tổ chức những lớp ngắn hạn để đào tạo.
- Tiến hành các buổi tọa đàm trao đổi về phương thức sử dụng TT-TV tại đơn vị.
- Tập chung vào việc giới thiệu nguồn lực thông tin trong thư viện, giới thiệu bộ máy tra cứu thông tin và lý thuyết tìm tin.

3.3 Tăng cường xây dựng và chia sẻ nguồn lực thông tin

- Chú trọng phát triển nguồn thông tin điện tử.
- Xây dựng và quản lý kho tài liệu số về luận văn, luận án, các công trình nghiên cứu khoa học, các báo cáo khoa học hiện có trong Viện.

- Số hoá tài liệu hiện có trong thư viện.
- Chuyển đổi dữ liệu đảm bảo khả năng truy cập tài liệu.
- Liên thông thư viện.
- Chia sẻ nguồn lực thông tin giữa các đơn vị trong quân đội.

3.4 Hoàn thiện sản phẩm và dịch vụ thông tin

- Cung cấp thông tin về tài liệu toàn văn, phát triển mạnh các sản phẩm là các CSDL.
- Đầu tư đào tạo những cán bộ có trình độ hiểu biết ngoại ngữ đặc biệt là tiếng Anh và tiếng Nga.

3.5 Hoàn thiện các phần mềm ứng dụng

- Đối với phần mềm ILIB: cần tích hợp xuất được các báo cáo ra theo định dạng word và excel.
- Đối với phần mềm DLIB: cài đặt chương trình cho các máy trạm nghiệp vụ cần đơn giản hơn nữa.
- Đối với cổng thông tin tích hợp tra cứu PORTAL: xây dựng cho thân thiện hơn.

3.6 Chuẩn hoá các quy tắc nghiệp vụ thư viện

- Chuẩn hoá nghiệp vụ MARC21.
- Chuẩn hoá và thống nhất dữ liệu trong mô tả tài liệu.

3.7 Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật

Đầu tư trang thiết bị:

- Hệ thống máy chủ lớn, đảm bảo các yêu cầu về an ninh và an toàn tài nguyên thông tin.
- Phải có khả năng mở rộng trong tương lai khi có nhu cầu mở rộng hệ thống.
- Hệ thống máy trạm đủ để cập nhật dữ liệu cho cán bộ thư viện, khai thác thông tin cho bạn đọc tra cứu.

KẾT LUẬN

Ngày nay, với sự phát triển của CNTT đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, việc ứng dụng CNTT vào hoạt động TT-TV đã đem lại nhiều lợi ích to lớn, từ việc quản lý, việc điều hành thư viện, cho đến việc phục vụ nhu cầu bạn đọc tra cứu thông tin. Chính vì lẽ đó mà CNTT như là một giải pháp hữu hiệu nhất cho các thư viện ở Việt Nam và Phòng TT-TV của Viện KH&CNQS. Nó cũng đánh dấu một bước phát triển mới trong việc ứng dụng lợi ích CNTT vào công tác học tập, giảng dạy, nghiên cứu nói chung và của công tác TT-TV nói riêng. Việc ứng dụng thành công CNTT vào hoạt động TT-TV của Viện sẽ đem lại cho các cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu một hạ tầng CNTT đảm bảo và một hệ thống TVĐT hiện đại. Do đó việc ứng dụng này cần được sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo đơn vị nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

Đề tài “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TT-TV tại Viện KH&CNQS*” đã xem xét các khía cạnh của việc ứng dụng phần mềm ILIB, phần mềm DLIB và cổng thông tin tích hợp tra cứu PORTAL vào hoạt động thư viện. Việc ứng dụng này cũng chính là làm hiện đại hoá phòng TT-TV của Viện, từ thực trạng ứng dụng các thiết bị phần cứng và phần mềm quản trị vào hoạt động thực tiễn, đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong hoạt động TT-TV nói chung và đặc biệt trong công tác TT-TV của các đơn vị, học viện nhà trường, các trường Sĩ quan và các Viện nghiên cứu thuộc Bộ Quốc Phòng nói riêng, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Minh Kiểm (2008), Một số suy nghĩ về tổ chức và hoạt động thông tin, thư viện ở Việt Nam trong giai đoạn sắp tới, Tạp chí *Thông tin & Tư liệu*, (Số 1)
2. Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về việc "Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH"
3. Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (2008), *Giải pháp phần mềm thư viện điện tử*, Hà Nội.
4. Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (2010), *Hướng dẫn quản trị cổng thông tin điện tử tích hợp PORTAL*, Hà Nội.
5. Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (2009), *Hướng dẫn sử dụng phần mềm thư viện điện tử ILIB4.0*, Hà Nội.
6. Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (2010), *Hướng dẫn sử dụng phần mềm thư viện số DLIB*, Hà Nội.
7. Đặng Thị Mai (2007). Quá trình 20 năm tin học hoá và xây dựng thư viện điện tử tại Thư viện Quốc gia và hệ thống thư viện công cộng Việt Nam 1986-2006. Xu hướng phát triển đến năm 2020. *Tạp chí thông tin & Tư liệu*, tr. 19-24.
8. Đặng Thị Mai (2008), Xây dựng thư viện điện tử tại Thư viện Quốc gia Việt Nam nguồn lực thông tin điện tử và các dịch vụ phục vụ bạn đọc. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, tr. 48-53.
9. Đoàn Phan Tân (1995), Tin học trong hoạt động thông tin thư viện, Trường Đại học Văn hóa, Hà Nội, 105tr.

10. Đoàn Phan Tân (2009), Tin học tư liệu: *giáo trình dành cho sinh viên ngành thông tin – thư viện và quản trị thông tin*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
11. Đỗ Tiến Vượng (2006), *Ứng dụng Công nghệ thông tin tại trung tâm Thông tin – Thư viện Đại học Giao thông vận tải. Thực trạng và giải pháp*, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, Hà Nội.
12. Đỗ Văn Hùng (2008), Hiện đại hoá và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử cho các phòng tư liệu của các Khoa/Bộ môn trực thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.
13. Hội thảo phần mềm ILIB với việc xây dựng thư viện điện tử trong Hệ thống thư viện công cộng. Quảng Ninh, ngày 19/7 - 21/7/2006
14. Lê Văn Việt (2006), Xu hướng phát triển của thư viện trong 20 năm tới và phương hướng đào tạo cán bộ thư viện ở Việt Nam, *Thư viện học những bài viết chọn lọc*, Nxb Văn hóa Thông tin, tr. 20-32.
15. Lịch sử Trung tâm Thông tin Khoa học – Công nghệ - Môi trường (1982 – 2002), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, 179 tr.
16. Lịch sử Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự (1960-2010), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, 606 tr.
17. Mạc Thùy Dương (2003), Xây dựng và khai thác nguồn lực thông tin điện tử tại thư viện Quân đội, Luận văn thạc sỹ. ĐH Văn hoá Hà Nội, 99 tr.
18. Nguyễn Hoàng Sơn (2006). “Đào tạo nguồn nhân lực thư viện số: yếu tố quan trọng phát triển nguồn nhân lực thư viện

- số”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Ngành Thông tin- Thư viện trong Xã hội Thông tin*. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 347-356
19. Nguyễn Hoàng Sơn (2007), “Nghiên cứu thư viện số trên thế giới và định hướng nghiên cứu thư viện số tại Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo “ Phát triển thư viện số ở Việt Nam: Chia sẻ kinh nghiệm” trong khuôn khổ hội thảo quốc tế về thư viện số châu Á lần thứ 10 IACDL*. NACESTI, Hà Nội, tr. 15 – 32.
 20. Nguyễn Hoàng Sơn (2008), *Bài giảng Thư viện Điện tử*. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 70 tr.
 21. Nguyễn Huy Chương, Lâm Quang Tùng (2005), Vài nét về hoạt động số hoá tài liệu tại Trung tâm thông tin thư viện, ĐHQGHN, *Kỷ yếu Hội thảo chuyên đề Quản trị và chia sẻ các nguồn tin số hoá*.
 22. Nguyễn Huy Chương (2007), *Xây dựng và phát triển thư viện điện tử trong hệ thống thư viện đại học Việt Nam*, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tiếp cận xây dựng thư viện số ở Việt Nam: Hiện trạng và vấn đề*, tr. 96-106.
 23. Nguyễn Huy Chương (2008), *Tập bài giảng thư viện điện tử*, Trường ĐHKHXH&NV, Hà Nội.
 24. Nguyễn Hữu Hùng (2006), *Vấn đề phát triển và chia sẻ nguồn lực thông tin số hoá tại Việt Nam*, *Tạp chí Thông tin & Tư liệu*, tr. 5-10.
 25. Nguyễn Minh Hiệp, “Vấn đề tin học hoá và phần mềm quản lý thư viện”, *Website Thư viện Đại học Khoa học Tự nhiên Tp Hồ Chí Minh*, truy cập ngày 10/4/2011, địa chỉ:
<http://www.glib.hcmuns.edu.vn/clb/bt2002/pmemthuvien.htm>

26. Nguyễn Thị Thanh Mai (2007), Tăng cường công tác quản lý nhà nước nhằm hiện đại hóa các thư viện công cộng theo hướng xây dựng thư viện điện tử, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế về Thư viện số lần thứ X tại Hà Nội*, tr. 8-14.
27. Nguyễn Tiến Đức (2005), Xây dựng thư viện điện tử và vấn đề số hoá tài liệu ở Việt Nam, *Tạp chí Thông tin & Tư liệu*, số 2, tr. 14-18.
28. Nguyễn Tiến Đức (2007), Nghiên cứu xây dựng mô hình thư viện điện tử về khoa học và công nghệ tại cơ quan khoa học và công nghệ địa phương, *Báo cáo tổng kết đề tài cấp bộ*.
29. Trần Thị Quý (2005), Liên kết chia sẻ nguồn lực thông tin yếu tố quan trọng để các thư viện đại học phát triển bền vững, *Kỷ yếu “Hội thảo chia sẻ nguồn lực thông tin” tại Trung tâm Thông tin Thư viện, ĐHQGHN*.
30. Trần Thị Quý (2005), Đào tạo cán bộ Thông tin – Thư viện ở Việt Nam – nhu cầu cấp bách trong thời kỳ công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước, *Hội thảo Khoa học về đào tạo nguồn nhân lực Thông tin – Thư viện ở Việt Nam, Viện Gorthe*.
31. Trần Thị Quý, Đỗ Văn Hùng (2007), *Tự động hoá trong hoạt động Thông tin – Thư viện*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
32. Trung tâm Khoa học kỹ thuật và Công nghệ Quân sự - Bộ quốc phòng: quá trình hình thành và phát triển, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, 428 tr.
33. Viện kỹ thuật quân sự (1994). Những trang hồi ký về Viện kỹ thuật Quân sự, Hà Nội, 146 tr.